

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 LẦN 2 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010528	Nguyễn Đình Bảo Huy	29/09/2002		DA2066A3	Công nghệ sinh học	
2	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010606	Phạm Thị Kim Tha	23/10/2002	N	DA2066A3	Công nghệ sinh học	
3	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102059	Phạm Trường Lâm	10/09/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
4	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102141	Lê Quốc Trung	09/08/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
5	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102177	Nguyễn Thị Kim Giàu	13/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	
6	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102236	Phạm Yến Nhi	25/10/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	
7	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102259	Huỳnh Phương Thanh	01/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	
8	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106940	Chau Rích Tha	20/06/2002		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
9	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109124	Tiêu Hồng Cẩm	27/04/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	
10	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109128	Nguyễn Hoàng Thành Đạt	19/08/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
11	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109152	Huỳnh Vĩnh Phúc	09/11/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
12	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109172	Lư Hậu Triều Vỹ	08/10/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	
13	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109192	Lê Nguyễn Bình Minh	06/01/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	
14	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2002800	Tăng Nguyễn Trần Duy	21/07/2002		DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
15	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2002818	Trần Gia Mỹ	25/11/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
16	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010842	Trương Mỹ Tiên	30/09/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
17	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2007861	Phạm Đặng Thiên Trân	11/12/2002	N	NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	
18	DA	3402/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2000927	Đặng Quốc Hùng	12/12/2002		NN2008F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng	
19	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910027	Cao Đức An	24/11/2001		DI19V7A2	Công nghệ thông tin	
20	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910414	Nguyễn Anh Nam	13/03/2001		DI19V7A8	Công nghệ thông tin	
21	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005665	Mã Văn Chiêu	18/03/2002		DI20V7A1	Công nghệ thông tin	
22	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910619	Nguyễn Chí Bảo	28/05/2001		DI19V7F2	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
23	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1913024	Nguyễn Lê Huy Hoàng	27/02/2001		DI19V7F1	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
24	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005867	Nguyễn Châu Hoàng Yên	22/02/2002	N	DI20V7F2	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
25	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005888	Lê Trung Nhật	13/03/2002		DI20V7F1	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
26	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014910	Văn Hoàng Hải Đăng	18/06/2002		DI20V7F3	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
27	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014927	Trần Nguyên Khởi	28/01/2002		DI20V7F3	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
28	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014947	Nguyễn Duy Tân	10/03/2002		DI20V7F1	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
29	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014995	Mai Gia Minh	20/06/2002		DI20V7F2	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
30	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2015015	Lê Quang Tín	05/10/2002		DI20V7F4	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng	
31	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2003808	Trần Trang Thi	08/04/2002	N	DI2095A2	Hệ thống thông tin	
32	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2012016	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/11/2002	N	DI2095A2	Hệ thống thông tin	
33	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1913232	Nguyễn Đình Kha	21/08/2001		DI19Z6A1	Khoa học máy tính	
34	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1913335	Nguyễn Hoàng Tâm	11/04/2000		DI19Z6A2	Khoa học máy tính	
35	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2007268	Thạch Thị Gia Truyền	12/01/2001	N	DI20Z6A3	Khoa học máy tính	
36	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016945	Nguyễn Tuấn Anh	24/09/2002		DI20Z6A3	Khoa học máy tính	
37	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016980	Đoàn Thị Trúc Ly	27/12/2001	N	DI20Z6A3	Khoa học máy tính	
38	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016981	Lê Quang Minh	21/02/2002		DI20Z6A3	Khoa học máy tính	
39	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016989	Trần Công Nhật	26/08/2002		DI20Z6A1	Khoa học máy tính	
40	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017036	Trần Anh Hào	26/10/2002		DI20Z6A2	Khoa học máy tính	
41	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017037	Bùi Ngọc Gia Hân	26/09/2002	N	DI20Z6A2	Khoa học máy tính	
42	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017051	Đặng Văn Khóm	20/08/2001		DI20Z6A2	Khoa học máy tính	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
43	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017057	Nguyễn Phương Minh	07/05/2002		DI20Z6A2	Khoa học máy tính	
44	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017070	Nguyễn Như Phúc	30/06/2002		DI20Z6A2	Khoa học máy tính	
45	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017091	Nguyễn Minh Tuấn	31/07/2002		DI20Z6A2	Khoa học máy tính	
46	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1805806	Đặng Hải Quang	12/01/2000		DI1896A3	Kỹ thuật phần mềm	
47	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2012199	Nguyễn Hữu Phú Hào	07/07/2002		DI2096A4	Kỹ thuật phần mềm	
48	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2012206	Nguyễn Trọng Hiền	02/07/2002		DI2096A4	Kỹ thuật phần mềm	
49	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2012221	Trương Thế Kỳ	13/07/2002		DI2096A4	Kỹ thuật phần mềm	
50	DI	3403/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013548	Đặng Minh Nhật	10/10/2002		DI20T9A2	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
51	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1909019	Mai Thị Như Ý	05/04/2001	N	FL19Z8A1	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
52	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111408	Ngô Tuấn Anh	21/10/2003		FL21Z8A1	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
53	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1909186	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	28/12/2001	N	FL19V1A3	Ngôn ngữ Anh	
54	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1912467	Nguyễn Văn Nguyên	10/04/2000		FL19V1A9	Ngôn ngữ Anh	
55	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014205	Châu Huỳnh Thoại Vy	28/10/2002	N	FL20V1F4	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
56	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105216	Đoàn Lê Ngọc Hương	08/07/2003	N	FL21V1F1	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
57	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105221	Lê Ngọc Ngân	19/04/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
58	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105227	Trần Mỹ Nhu	11/09/2003	N	FL21V1F4	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
59	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105233	Phan Thị Khả Tâm	18/08/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
60	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105250	Lê Ngọc Như Ý	04/05/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
61	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105269	Trần Thị Tuyết Nhung	24/11/2003	N	FL21V1F1	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
62	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105292	Nguyễn Thị Như Ý	30/01/2003	N	FL21V1F4	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
63	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111511	Huỳnh Hồng Khen	28/02/2003	N	FL21V1F3	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
64	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111530	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	18/05/2003	N	FL21V1F4	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
65	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111532	Lê Hồng Thảo	26/12/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
66	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111551	Trương Nhật Ánh	12/05/2003	N	FL21V1F1	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
67	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111557	Nguyễn Ngọc Thiên Đoan	26/09/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
68	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111575	Nguyễn Khôi Nguyên	22/09/2003		FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
69	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111583	Kiên Thị Mỹ Phụng	07/10/2003	N	FL21V1F4	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
70	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111597	Hồ Khả Vy	15/07/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
71	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112516	Phạm Gia Khiêm	28/09/2003		FL21V1F3	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
72	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113391	Huỳnh Ngọc Hải Vy	12/03/2003	N	FL21V1F2	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
73	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107217	Lê Thị Ngọc Lan	07/05/2003	N	FL21Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	
74	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113381	Phạm Minh Thư	25/10/2003	N	FL21Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	
75	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016183	Nguyễn Ngọc Anh	02/03/2002	N	FL20X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
76	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100561	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	28/07/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
77	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112764	Lư Kiều Diễm	17/12/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
78	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112766	Lộ Xuân Đào	13/01/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
79	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112774	Nguyễn Trần Ánh Ngọc	01/08/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
80	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112781	Phùng Huỳnh Thi	09/02/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
81	FL	3404/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112784	Phạm Thị Tú Trinh	18/06/2003	N	FL21X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	
82	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101711	Hà Thị Huỳnh Như	13/11/2003	N	HG2163A1	Luật	Luật hành chính
83	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108749	Trần Khánh Duy	15/10/2003		HG2163A1	Luật	Luật hành chính
84	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1607105	Nguyễn Minh Phục	08/09/1998		HG16V7A1	Công nghệ thông tin	
85	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1812803	Nguyễn Phi Long	12/08/2000		HG18V7A2	Công nghệ thông tin	
86	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107182	Hồ Hữu Thuận	11/11/2003		HG21V7A1	Công nghệ thông tin	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
87	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111212	Lê Trầm Gia Khang	10/05/2003		HG21U7A1	Kinh doanh nông nghiệp	
88	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111216	Lý Thanh Lết	09/08/2003		HG21U7A1	Kinh doanh nông nghiệp	
89	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108418	Lâm Hữu Nghĩa	10/12/2002		HG2123A1	Kinh tế nông nghiệp	
90	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1705245	Nguyễn Thái Vinh	15/02/1999		HG17T2A1	Kỹ thuật công trình xây dựng	
91	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004675	Nguyễn Ngọc Nhân	23/12/2002		HG20T7A1	Kỹ thuật xây dựng	
92	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111485	Nguyễn Huyền Trâm	14/04/2003	N	HG21V1A1	Ngôn ngữ Anh	
93	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2009221	Phạm Thị Tú Văn	18/09/2002	N	HG2022A2	Quản trị kinh doanh	
94	HG	3405/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108364	Lê Như Ý	15/10/2003	N	HG2122A1	Quản trị kinh doanh	
95	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104200	Chiêm Chấn Tường	04/08/2003		KH21T3A2	Hóa dược	
96	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110353	Văng Thị Kim Anh	31/10/2003	N	KH21T3A1	Hóa dược	
97	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110360	Tạ Thị Diễm Huỳnh	06/09/2003	N	KH21T3A1	Hóa dược	
98	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110397	Từ Gia Hân	16/01/2003	N	KH21T3A2	Hóa dược	
99	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110417	Nguyễn Thị Anh Thư	30/09/2003	N	KH21T3A2	Hóa dược	
100	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110420	Huỳnh Trần Bảo Trân	22/04/2002	N	KH21T3A2	Hóa dược	
101	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102573	Trần Phạm Khánh Tâm	01/10/2003	N	KH2169A2	Hóa học	
102	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102581	Nguyễn Hà Trâm	19/11/2003	N	KH2169A2	Hóa học	
103	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102590	Lê Ngọc Như Ý	06/10/2003	N	KH2169A2	Hóa học	
104	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109415	Nguyễn Thị Kiều My	19/09/2003	N	KH2169A1	Hóa học	
105	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109455	Nguyễn Ngọc Minh Thi	23/07/2002	N	KH2169A2	Hóa học	
106	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103359	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	21/11/2003	N	KH2194A1	Sinh học	
107	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109945	Trương Linh Đan	25/09/2003	N	KH2194A1	Sinh học	
108	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109946	Nguyễn Hải Đăng	19/08/2002		KH2194A1	Sinh học	
109	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109965	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	12/10/2003	N	KH2194A1	Sinh học	
110	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103265	Phạm Thị Như	11/11/2003	N	KH2189A1	Toán ứng dụng	
111	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107112	Thái Tuyết Nhi	02/01/2003	N	KH2189A1	Toán ứng dụng	
112	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109870	Trần Hải Vy	05/10/2003	N	KH2189A1	Toán ứng dụng	
113	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004824	Nguyễn Lê Khả Ái	14/10/2002	N	KH20U1A1	Vật lý kỹ thuật	
114	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104863	Nguyễn Văn Lượng	24/04/2003		KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
115	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104868	Ngô Thị Bích Ngọc	30/05/2003	N	KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
116	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104878	Trần Hoàng Thịnh	30/06/2003		KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
117	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108943	Lý Triều Lộc	17/09/2001		KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
118	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110988	Trần Vĩnh Đại	10/03/2003		KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
119	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110999	Nguyễn Quốc Hưng	22/04/2003		KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
120	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111031	Huỳnh Thị Anh Thư	01/05/2003	N	KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
121	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111032	Trần Thị Thủy Tiên	17/02/2003	N	KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
122	KH	3406/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111038	Nguyễn Thị Ngọc Yến	09/12/2003	N	KH21U1A1	Vật lý kỹ thuật	
123	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111628	Nguyễn Song Song	06/06/2003	N	KT21V5A1	Kiểm toán	
124	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111642	Nguyễn Thị Như Ý	24/08/2003	N	KT21V5A1	Kiểm toán	
125	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112346	Lê Thành Phát	18/05/2002		KT21W4A1	Kinh doanh quốc tế	
126	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2006292	Huỳnh Hoàng Huy	10/03/2000		KT20W4F5	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	
127	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2006295	Ngũ Ngân Huyền	27/02/2002	N	KT20W4F4	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	
128	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2006322	Hà Mạch Anh Thư	25/02/2002	N	KT20W4F2	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	
129	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2006377	Ngô Minh Triết	21/01/2002		KT20W4F5	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	
130	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2015564	Võ Yến Nhi	13/05/2002	N	KT20W4F2	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
131	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2017213	Nguyễn Trần Minh Thư	14/03/2002	N	KT20W4F3	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng	
132	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105886	Quách Thái Huyền Diệu	31/05/2003	N	KT21W3A1	Kinh doanh thương mại	
133	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910930	Nhan Như Ngọc	17/03/2001	N	KT19W1A1	Kinh tế	
134	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100115	Huỳnh Ngọc Như Ý	09/12/2002	N	KT21W1A1	Kinh tế	
135	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112162	Trần Yến Nhi	01/01/2003	N	KT21W1A1	Kinh tế	
136	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112166	Đặng Thúy Quỳnh	17/01/2003	N	KT21W1A1	Kinh tế	
137	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112190	Nguyễn Thị Như Ý	20/02/2003	N	KT21W1A1	Kinh tế	
138	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2003686	Đinh Văn Phi	07/10/2002		KT2090A2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
139	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011859	Lâm Tâm Như	12/09/2002	N	KT2090A1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
140	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011905	Ngô Quốc Nguyên	17/12/2002		KT2090A2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
141	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011925	Hồ Nguyễn Huyền Trân	31/03/2002	N	KT2090A2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
142	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103311	Khuong Ngọc Anh	18/04/2003	N	KT2190A1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
143	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109920	Mai Huỳnh Thương	14/01/2003		KT2190A1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
144	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100052	Trịnh Quốc Đạt	09/01/2002		KT2145A1	Marketing	
145	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101817	Ngô Gia Hân	28/02/2003	N	KT2145A1	Marketing	
146	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108878	Nguyễn Chí Hải	27/07/2003		KT2145A1	Marketing	
147	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108889	Kim Thị Thu Na	21/06/2003	N	KT2145A1	Marketing	
148	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105875	Phạm Thị Ngọc Ngân	02/02/2002	N	KT21W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
149	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112212	Nguyễn Thị Quỳnh Như	29/11/2003	N	KT21W2A1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
150	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112225	Phan Nguyễn Thúy Vi	24/06/2003	N	KT21W2A1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
151	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112236	Thạch Vỹ Khang	20/10/2003		KT21W2A2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
152	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100037	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	01/07/2002	N	KT2122A2	Quản trị kinh doanh	
153	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100043	Nguyễn Ngọc The	01/01/2002	N	KT2122A2	Quản trị kinh doanh	
154	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108258	Dương Kim Ngân	06/11/2003	N	KT2122A1	Quản trị kinh doanh	
155	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2008947	Nguyễn Văn Trí	30/03/2002		KT2021A2	Tài chính - Ngân hàng	
156	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101253	Trần Hồng Quyên	12/12/2003	N	KT2121A1	Tài chính - Ngân hàng	
157	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1905441	Nguyễn Thị Kiều Anh	12/06/2001	N	KT1921F1	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng	
158	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005216	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	20/07/2002	N	KT2021F3	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng	
159	KT	3407/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2009013	Bùi Thị Ngọc Trang	01/01/2002	N	KT2021F1	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng	
160	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108738	Ngô Hoàng Vinh	03/09/2003		LK2163A1	Luật	Luật hành chính
161	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1703212	Đỗ Tuấn Thời	20/12/1998		LK1764A9	Luật	Luật thương mại
162	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2009826	Trần Huyền Trân	26/10/2002	N	LK2064A3	Luật	Luật thương mại
163	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101650	Trần Thị Ngọc Hân	04/08/2003	N	LK2164A1	Luật	Luật thương mại
164	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108527	Nguyễn Thị Thúy An	25/11/2003	N	LK2164A1	Luật	Luật thương mại
165	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108568	Phạm Thiên Nhi	23/11/2003	N	LK2164A1	Luật	Luật thương mại
166	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108569	Huỳnh Thị Phương Như	30/08/2003	N	LK2164A1	Luật	Luật thương mại
167	LK	3408/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108614	Quách Lệ Hà	07/04/2003	N	LK2164A2	Luật	Luật thương mại
168	ML	3409/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105816	Trần Thị Huế Trân	01/01/2003	N	ML21V9A1	Chính trị học	
169	ML	3409/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1807844	Trần Quang Khải	07/04/2000		ML18U3A1	Triết học	
170	ML	3409/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013657	Nguyễn Phạm Phương Vinh	19/03/2002		ML20U3A1	Triết học	
171	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1903182	Phan Thị Ngọc Anh	19/05/2000	N	MT1938A1	Khoa học môi trường	
172	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101994	Đặng Quốc Thắng	17/05/2003		MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	
173	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107064	Nguyễn Thị Minh	16/03/2003	N	MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	
174	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109073	Lê Khuong	17/11/2003		MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
175	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109113	Nguyễn Minh Triết	24/08/2003		MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	
176	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109115	Trần Hiếu Trung	20/03/2003		MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	
177	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109116	Trần Nguyễn Tựu	19/10/2003		MT2157A1	Kỹ thuật môi trường	
178	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2006827	Đặng Hoài Nam	09/03/2002		MT20X7A2	Quản lý tài nguyên và môi trường	
179	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016570	Đồng Quốc Khánh	07/09/2002		MT20X7A2	Quản lý tài nguyên và môi trường	
180	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106175	Võ Ngọc Bích	11/05/2003	N	MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
181	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106181	Nguyễn Thị Phương Đài	08/07/2003	N	MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
182	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106182	Nguyễn Tiến Đạt	20/12/2003		MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
183	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106190	Bùi Gia Huy	04/11/2003		MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
184	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106199	Nguyễn Trung Kiên	29/11/2003		MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
185	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106226	Hà Phong Nhi	20/03/2003		MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
186	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106253	Trần Anh Thư	23/06/2003	N	MT21X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	
187	MT	3410/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113043	Nguyễn Phi Trường	28/09/2003		MT21X7A2	Quản lý tài nguyên và môi trường	
188	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106401	Trần Nguyễn Nam Khương	10/07/2002		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
189	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106437	Ngô Nhật Trường Thịnh	25/02/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
190	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106443	Nguyễn Hiếu Toàn	27/05/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
191	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106498	Nguyễn Minh Nhựt	08/05/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
192	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106514	Huỳnh Minh Thuận	18/06/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
193	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113057	Trần Thanh Hào	17/06/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
194	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113112	Lê Hoàng Nam	12/09/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
195	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113117	Trần Kiên Nguyên	06/03/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
196	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113126	Nguyễn Thanh Si	20/04/2003		NN21S6A1	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
197	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2003195	Võ Nhật Duy	14/04/2002		NN2073A3	Bảo vệ thực vật	
198	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102728	Nguyễn Huỳnh Khả Hân	03/01/2003	N	NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
199	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102734	Trương Nhật Huyền	15/10/2003	N	NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
200	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102740	Ngô Tuấn Khoa	11/11/2003		NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
201	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102744	Vì Tuấn Kiệt	22/10/2003		NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
202	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102770	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	18/12/2003		NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
203	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102790	Nguyễn Bá Minh Triết	18/12/2003		NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
204	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113144	Nguyễn Ngọc Châu	16/11/2003	N	NN2173A2	Bảo vệ thực vật	
205	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103606	Nguyễn Nhật Huy	14/08/2003		NN21S1A1	Chăn nuôi	
206	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103626	Đoàn Bảo Ngọc	16/02/2003	N	NN21S1A1	Chăn nuôi	
207	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103681	Cao Nguyễn Hữu Đăng	16/08/2003		NN21S1A2	Chăn nuôi	
208	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103711	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/09/2003	N	NN21S1A2	Chăn nuôi	
209	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103741	Đặng Thị Thủy Tiên	04/10/2003	N	NN21S1A2	Chăn nuôi	
210	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107121	Phạm Văn Hoà	03/08/2003		NN21S1A1	Chăn nuôi	
211	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110183	Phạm Trọng Quý	16/10/2003		NN21S1A1	Chăn nuôi	
212	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110229	Trần Thị Kim Xuân	14/02/2003	N	NN21S1A2	Chăn nuôi	
213	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016650	Nguyễn Thị Mỹ Hiên	21/06/2002	N	NN20X8A1	Khoa học cây trồng	
214	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106399	Trương Quốc Khánh	28/07/2002		NN21X8A1	Khoa học cây trồng	
215	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106459	Đỗ Thị Thùy Dương	29/09/2003	N	NN21X8A1	Khoa học cây trồng	
216	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106464	Võ Cao Thiên Hào	04/06/2003		NN21X8A1	Khoa học cây trồng	
217	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113051	Phạm Thị Ngọc Anh	11/05/2003	N	NN21X8A1	Khoa học cây trồng	
218	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113097	Nguyễn Ngọc Ân	15/12/2003	N	NN21X8A1	Khoa học cây trồng	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
219	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113098	Trần Công Danh	01/01/2003		NN21X8A1	Khoa học cây trồng	
220	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101211	Nguyễn Hồng Yên	08/06/2003	N	NN2119A1	Nông học	
221	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108054	La Hoài Linh	18/05/2002		NN2119A1	Nông học	
222	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1809824	Phạm Thị Huệ Thu	24/11/2000	N	NN18V8A1	Sinh học ứng dụng	
223	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910736	Nguyễn Thanh Bi	06/02/2001		NN19V8A1	Sinh học ứng dụng	
224	NN	3411/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1910784	Nguyễn Thanh Bích Vân	22/01/2001	N	NN19V8A1	Sinh học ứng dụng	
225	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107961	Trần Thị Hồng Đây	15/05/2003	N	SP2118A1	Sư phạm Lịch sử	
226	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107979	Tiêu Khánh Ly	16/07/2003	N	SP2118A1	Sư phạm Lịch sử	
227	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107913	Phùng Mai Phượng Nhung	24/12/2003	N	SP2117A1	Sư phạm Ngữ văn	
228	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107915	Huỳnh Như	02/05/2003	N	SP2117A1	Sư phạm Ngữ văn	
229	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107598	Trương Lê Minh Phát	07/10/2002		SP2110A1	Sư phạm Sinh học	
230	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100469	Nguyễn Văn Định	09/04/2003		SP21U8A1	Sư phạm Tin học	
231	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100131	Lê Khánh Duy	28/07/2003		SP2101A1	Sư phạm Toán học	
232	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100133	Trương Ngọc Hiện	05/04/2002		SP2101A1	Sư phạm Toán học	
233	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100137	Nguyễn Đăng Ngọc Ngân	08/11/2003	N	SP2101A1	Sư phạm Toán học	
234	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100141	Thạch Tấn Phong	27/11/2003		SP2101A1	Sư phạm Toán học	
235	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106958	Phan Minh Tâm	14/04/2003	N	SP2101A1	Sư phạm Toán học	
236	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107231	Nguyễn Hoàng Duy	02/03/2003		SP2101A1	Sư phạm Toán học	
237	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107247	Phan Thị Mỹ Hương	29/03/2003	N	SP2101A1	Sư phạm Toán học	
238	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107256	Phạm Thị Lanh	19/07/2003	N	SP2101A1	Sư phạm Toán học	
239	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100203	Phạm Hoàng Vũ	18/01/2003		SP2102A1	Sư phạm Vật lý	
240	SP	3412/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107302	Nguyễn Hồng Ga Băng	30/11/2003		SP2102A1	Sư phạm Vật lý	
241	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101947	Đinh Văn Trường	25/10/2003		TN2184A1	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
242	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108984	Lý Kiên	07/01/2003		TN2184A1	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
243	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010227	Quách Thái Tôn	07/02/2002		TN20S5A1	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
244	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010348	Ngô Văn Bình	02/11/2002		TN20S5A3	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
245	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010414	Phạm Phú Quốc	06/03/2002		TN20S5A4	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
246	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2010418	Trịnh Phước Tài	23/05/2002		TN20S5A5	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
247	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2108949	Trần Tấn Phát	21/06/2003		TN21S5A1	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
248	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109023	Nguyễn Đoàn Trọng Hòa	28/06/2003		TN21S5A3	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
249	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005577	Đoàn Thanh Khiêm	12/03/2002		TN20V6A3	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
250	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2005594	Huỳnh Thị Phúc Ngân	01/01/2002	N	TN20V6A3	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
251	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014457	Lê Ngọc Tường Vi	12/02/2002	N	TN20V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
252	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014502	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	24/07/2002	N	TN20V6A2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
253	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014507	Nguyễn Trần Yên Nhi	29/12/2002	N	TN20V6A2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
254	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105351	Phạm Trần Kiều Hạnh	23/06/2003	N	TN21V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
255	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2105415	Nguyễn Thị Như Ý	15/06/2003	N	TN21V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
256	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111653	Huỳnh Thị Bích Huyền	29/10/2003	N	TN21V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
257	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111656	Lê Việt Khái	20/02/2003		TN21V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
258	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2111733	Trần Huyền Trân	14/09/2003	N	TN21V6A2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
259	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2014548	Phạm Trúc Vy	21/06/2002	N	TN20V6F1	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
260	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1806718	Mai Vũ Lưng	01/12/2000		TN18T5A1	Kỹ thuật điện	
261	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104294	Nguyễn Khải Minh	06/02/2003		TN21T5A1	Kỹ thuật điện	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
262	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104349	Nguyễn Quốc Vinh	09/10/2003		TN21T5A2	Kỹ thuật điện	
263	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107140	Lê Võ Hoàng Sơn	22/09/2003		TN21T5A1	Kỹ thuật điện	
264	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110481	Phạm Nhật Hào	17/01/2003		TN21T5A1	Kỹ thuật điện	
265	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110493	Đoàn Văn Ngoan	29/04/2003		TN21T5A1	Kỹ thuật điện	
266	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110511	Nguyễn Văn Dương Anh	08/09/2003		TN21T5A2	Kỹ thuật điện	
267	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110523	Lê Minh Kha	26/05/2003		TN21T5A2	Kỹ thuật điện	
268	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110542	Tăng Thành Tính	08/05/2003		TN21T5A2	Kỹ thuật điện	
269	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2012913	Nguyễn Đình Lực	10/09/2002		TN20T5F1	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
270	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1812747	Huỳnh Thanh Tú	27/11/2000		TN18T6A2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
271	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1907781	Nguyễn Hoàng Anh Duy	20/04/2001		TN19T6A1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
272	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004437	Lê Việt Khoa	25/03/2002		TN20T6A1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
273	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004529	Hà Tấn Thanh	26/11/2002		TN20T6A2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
274	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104481	Trương Mỹ Hoa	04/11/2003	N	TN21T6A2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
275	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110690	Cao Văn Thịnh	04/07/2003		TN21T6A2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
276	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016782	Võ Trọng Nghĩa	18/01/2002		TN20Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
277	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106615	Đào Hồng Hà	09/11/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
278	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106625	Trần Tuấn Kiệt	05/07/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
279	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106635	Nguyễn Thành Phúc	09/03/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
280	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113191	Bùi Thanh Lập	16/11/2003		TN21Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
281	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113204	Trà Quốc Thanh	23/12/2002		TN21Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
282	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113213	Võ Huy Bình	21/02/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
283	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113217	Mai Tiến Dũng	12/01/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
284	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2113244	Lê Phan Anh Tuấn	30/08/2003		TN21Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
285	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2007064	Bùi Thái Dương	03/01/2002		TN20Z5A1	Kỹ thuật máy tính	
286	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2007136	Cao Minh Trí Kiệt	22/11/2002		TN20Z5A2	Kỹ thuật máy tính	
287	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2016858	Chau Đa Ra	18/02/2002		TN20Z5A1	Kỹ thuật máy tính	
288	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106661	Phạm Thành Công	22/09/2003		TN21Z5A1	Kỹ thuật máy tính	
289	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004288	Lê Minh Luân	06/10/2002		TN20T4A1	Kỹ thuật vật liệu	
290	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1908114	Tăng Hoàng Huy	10/10/2001		TN19T7A2	Kỹ thuật xây dựng	
291	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004646	Nguyễn Thành Nhân	17/10/2002		TN20T7A5	Kỹ thuật xây dựng	
292	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013150	Lưu Thành Phúc	27/10/2002		TN20T7A5	Kỹ thuật xây dựng	
293	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013178	Nguyễn Đức Trọng	14/05/2002		TN20T7A3	Kỹ thuật xây dựng	
294	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110752	Nguyễn Tuấn Anh	18/12/2003		TN21T7A2	Kỹ thuật xây dựng	
295	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110797	Nguyễn Hoàng Tiến	21/09/2003		TN21T7A2	Kỹ thuật xây dựng	
296	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004691	Cao Hữu Gia Khang	03/07/2002		TN20T7F1	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
297	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013404	Nguyễn Hữu Nghị	02/04/2002		TN20T7F1	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
298	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013421	Trần Phú Quý	27/12/2002		TN20T7F1	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
299	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2004173	Võ Thành Đồng	24/11/2002		TN20T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
300	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104043	Tiền Ngọc Tuyết Minh	11/02/2003	N	TN21T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
301	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2104062	Lê Thành Tài	03/01/2003		TN21T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
302	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110341	Nguyễn Trường Phát	16/07/2003		TN21T1A1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
303	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1906005	Hồ Thị Mỹ Tiên	28/02/2001	N	TN1983A5	Quản lý công nghiệp	
304	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B1906025	Hoàng Lê Khả Vy	03/10/2001	N	TN1983A5	Quản lý công nghiệp	
305	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011651	Trần Thị Thủy Nguyên	16/06/2002	N	TN2083A1	Quản lý công nghiệp	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Tên chuyên ngành
306	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011675	Nguyễn Kim Thư	29/03/2002	N	TN2083A3	Quản lý công nghiệp	
307	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011725	Nguyễn Thị Như Huỳnh	24/04/2002	N	TN2083A2	Quản lý công nghiệp	
308	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011769	Nguyễn Quốc Toàn	14/03/2002		TN2083A2	Quản lý công nghiệp	
309	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011778	Huỳnh Thị Tú Vi	28/07/2002	N	TN2083A2	Quản lý công nghiệp	
310	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2103152	Nguyễn Đăng Khoa	14/01/2003		TN2183A1	Quản lý công nghiệp	
311	TN	3413/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109772	Hồ Thị Hoàng Mỹ	30/05/2003	N	TN2183A1	Quản lý công nghiệp	
312	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102853	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	12/08/2003	N	TS2176A1	Bệnh học thủy sản	
313	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109596	Lê Tuấn Bằng	08/12/2003		TS2176A1	Bệnh học thủy sản	
314	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102986	Ngô Kim Nguyệt	07/06/2002	N	TS2182A1	Công nghệ chế biến thủy sản	
315	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2102991	Đặng Mỹ Nhung	01/01/2003	N	TS2182A1	Công nghệ chế biến thủy sản	
316	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100847	Nguyễn Nhật Huy	02/09/2003		TS2113A1	Nuôi trồng thủy sản	
317	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2100863	Nguyễn Thị Liên	03/07/2003	N	TS2113A1	Nuôi trồng thủy sản	
318	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2101043	Bùi Thị Cẩm Thi	12/02/2003	N	TS2113A3	Nuôi trồng thủy sản	
319	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2107678	Lê Thanh Tình	13/08/2003		TS2113A3	Nuôi trồng thủy sản	
320	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2008322	Nguyễn Gia Quân	25/04/2002		TS2013T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
321	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110242	Nguyễn Trần Duy Lâm	16/06/2003		TS21S2A2	Quản lý thủy sản	
322	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110248	Nguyễn Huỳnh Kim Ngọc	06/12/2003	N	TS21S2A2	Quản lý thủy sản	
323	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110251	Huỳnh Như	14/12/2003	N	TS21S2A2	Quản lý thủy sản	
324	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110263	Thạch Ngọc Trinh	20/12/2003	N	TS21S2A2	Quản lý thủy sản	
325	TS	3414/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2110265	Phạm Thị Yến Vy	13/06/2003	N	TS21S2A2	Quản lý thủy sản	
326	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112563	Trần Hải Long	13/02/2003		XH21W8A1	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
327	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112597	Trần Nguyễn Phát Đạt	09/02/2003		XH21W8A2	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
328	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011346	Khuru Tài Lộc	01/10/2002		XH2080A1	Thông tin - Thư viện	
329	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2011369	Trịnh Nguyễn Minh Thư	11/05/2002	N	XH2080A1	Thông tin - Thư viện	
330	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109663	Trần Thị Huỳnh Như	11/11/2003	N	XH2180A1	Thông tin - Thư viện	
331	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2109667	Huỳnh Hữu Tài	18/07/2003		XH2180A1	Thông tin - Thư viện	
332	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2015701	Hồ Trung Hậu	14/01/2002		XH20W7A2	Văn học	
333	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106036	Trương Huỳnh Phúc Khang	10/08/2003		XH21W7A1	Văn học	
334	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106050	Bùi Việt Tân	09/09/2003		XH21W7A1	Văn học	
335	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2106059	Lê Tiến Đạt	24/06/2003		XH21W7A2	Văn học	
336	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112471	Trần Như Anh	04/02/2003	N	XH21W7A1	Văn học	
337	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112494	Khuru Thị Kiều Phúc	28/01/2002	N	XH21W7A1	Văn học	
338	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112501	Danh Võ Ngọc Trân	07/10/2003	N	XH21W7A1	Văn học	
339	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112509	Nguyễn Gia Bình	28/08/2003	N	XH21W7A2	Văn học	
340	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112523	Nguyễn Quế Nguyên	11/12/2003	N	XH21W7A2	Văn học	
341	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112527	Trần Huỳnh Như	11/06/2003	N	XH21W7A2	Văn học	
342	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112541	Nguyễn Huỳnh Nhã Uyên	10/02/2003	N	XH21W7A2	Văn học	
343	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2112542	Dương Quốc Vinh	22/12/2003		XH21W7A2	Văn học	
344	XH	3415/QĐ-ĐHCT	25/07/2025	B2013737	Phạm Tiêu My	18/06/2002	N	XH20U4A2	Xã hội học	

ĐẠI HỌC CẦN THƠ